

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ TRƯỜNG SƠN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ TRƯỜNG SƠN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUONG SON TECHNOLOGY SOLUTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TRUONG SON TESO

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110048484

**3. Ngày thành lập:** 01/07/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 121 Ngõ 1194 Đường Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 098 488 1969

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm; Trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4610     |
| 2.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi;<br>- Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng;<br>- Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp;<br>- Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động;<br>- Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp;<br>- Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế;<br>- Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác;<br>- Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;<br>- Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt, may;<br>- Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. | 4659     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 3.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết:<br>Việc tổ chức, xúc tiến và/hoặc quản lý các sự kiện, như kinh doanh hoặc triển lãm, giới thiệu, hội nghị, có hoặc không có quản lý và cung cấp nhân viên đảm nhận những vấn đề tổ chức.<br>(Trừ hợp báo)           | 8230 |
| 4.  | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                                              | 8531 |
| 5.  | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                                                                                                           | 8532 |
| 6.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn;                                                                                         | 8559 |
| 7.  | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn và giúp đỡ kinh doanh hoặc dịch vụ lập kế hoạch, tổ chức, hoạt động hiệu quả, thông tin quản lý...<br>(Không bao gồm hoạt động tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán)                                                      | 7020 |
| 8.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Thiết kế công nghiệp và máy móc                                                                                                                                                                       | 7110 |
| 9.  | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật<br>Chi tiết:<br>- Kiểm tra chất lượng và độ tin cậy;<br>- Dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa<br>- Dịch vụ kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng<br>- Dịch vụ giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa | 7120 |
| 10. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên                                                                                                                                                                                                | 7211 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | <p>Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật dân dụng;</li> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin;</li> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật cơ khí;</li> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật hóa học;</li> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật vật liệu và luyện kim;</li> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật y học;</li> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật môi trường.</li> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực công nghệ sinh học môi trường;</li> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực công nghệ sinh học công nghiệp.</li> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực công nghệ nano.</li> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật thực phẩm và đồ uống.</li> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ khác.</li> </ul> | 7212(Chính) |
| 12. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7213        |
| 13. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7214        |
| 14. | <p>Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Tư vấn chuyển giao công nghệ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động của các tác giả sách khoa học và công nghệ;</li> <li>- Tư vấn về công nghệ khác;</li> <li>- Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý...</li> <li>- Tư vấn về môi trường, tư vấn về công nghệ, tư vấn và thực hiện hoạt động quan trắc môi trường, phân tích môi trường;</li> <li>- Hoạt động chuyển giao công nghệ xử lý ô nhiễm môi trường;</li> <li>- Hoạt động quan trắc môi trường</li> <li>- Thực hiện đánh giá môi trường chiến lược</li> <li>- Tư vấn công nghiệp;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7490        |
| 15. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2610        |
| 16. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2620        |

|     |                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                                                                 | 2630 |
| 18. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                             | 2640 |
| 19. | Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học                                                                                                                                                         | 2670 |
| 20. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                                                 | 2710 |
| 21. | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                                                                                                                                            | 2731 |
| 22. | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                                                                                         | 2732 |
| 23. | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                                        | 2733 |
| 24. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                                              | 2740 |
| 25. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                      | 2750 |
| 26. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                                                    | 2790 |
| 27. | Sản xuất máy thông dụng khác                                                                                                                                                                   | 2819 |
| 28. | Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại                                                                                                                                                  | 2822 |
| 29. | Sản xuất máy luyện kim                                                                                                                                                                         | 2823 |
| 30. | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng                                                                                                                                                          | 2824 |
| 31. | Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá                                                                                                                                           | 2825 |
| 32. | Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da                                                                                                                                                          | 2826 |
| 33. | Sản xuất máy chuyên dụng khác                                                                                                                                                                  | 2829 |
| 34. | Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính<br>Chi tiết:<br>- Nhận tiền nhuận bút hoặc phí giấy phép của việc sử dụng:<br>+ Bằng sáng chế,<br>+ Thương hiệu hoặc nhãn hiệu dịch vụ,<br>+ Nhãn hàng, | 7740 |
| 35. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ sản xuất con dấu; Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                          | 3290 |
| 36. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                        | 3320 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 500.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông             | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                         | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | DƯƠNG<br>XUÂN<br>TRƯỜNG | Thôn Ngùi, Xã<br>Việt Ngọc, Huyện<br>Tân Yên, Tỉnh<br>Bắc Giang, Việt<br>Nam                               | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 150.000       | 1.500.000.000            | 30,000       | 0240940106<br>73                                                                                                       |            |
|     |                         |                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                            | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                            | Tổng số                            | 150.000       | 1.500.000.000            | 30,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                            |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | LÊ HUỆ CHI              | 907 – CT9, phố<br>Trần Văn Lai,<br>Phường Mỹ Đình<br>1, Quận Nam Từ<br>Liêm, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 255.000       | 2.550.000.000            | 51,000       | 0013040148<br>67                                                                                                       |            |
|     |                         |                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                            | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                            | Tổng số                            | 255.000       | 2.550.000.000            | 51,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                            |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |               |                                                                                                           |                           |        |             |        |              |
|---|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 3 | TRẦN NGỌC SƠN | CH04T15 Pandora, Số 53 Phố Triều Khúc, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 95.000 | 950.000.000 | 19,000 | 034084004955 |
|   |               |                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                                           | Tổng số                   | 95.000 | 950.000.000 | 19,000 |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN NGỌC SƠN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 29/10/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034084004955

Ngày cấp: 19/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: CH04T15 Pandora, Số 53 Phố Triều Khúc, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: CH04T15 Pandora, Số 53 Phố Triều Khúc, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội